

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN B  
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2020/DS-ST

Ngày: 16-9-2020

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH L**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Thị Miên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Dương Thị Sáu.

Ông Vũ Hồng Điều.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Thái Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 252/2020/TLST - DS ngày 14 tháng 8 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2020/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Lê Thị N, sinh năm 1948;

Địa chỉ: ấp 7, xã Nhựt Ch, huyện B, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị Ngọc Ng, sinh năm 1995;

Địa chỉ: số 49 Nguyễn Hữu Thọ, khu phố 3, thị trấn B1, huyện B, tỉnh L.  
Giấy ủy quyền ngày 24/7/2020.

*Bị đơn:*

Bà Trần Thị Thu V, sinh năm 1958;

Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1956;

Cùng địa chỉ: ấp 7, xã Nhựt Ch, huyện Bến Lức, tỉnh L.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 24/7/2020, biên bản hòa giải, nguyên đơn do bà Võ*

*Thị Ngọc Ng trình bày:*

Trong năm 2019 bà B mượn dùm cho bà V nhiều lần tiền, cụ thể: Trước ngày 11/6/2019 mượn dùm 15 triệu đồng, ngày 11.6.2019 mượn dùm 5 triệu đồng và ngày 23/7/2019 mượn dùm 13 triệu đồng, tổng cộng là 33 triệu đồng, không thỏa thuận lãi suất và thời gian trả, mục đích vay để sử dụng trong gia đình. Ngày 17/10/2018, bà V ký xác nhận vào giấy mượn tiền dùm thể hiện nội dung bà V nhờ bà B mượn dùm bà 33.000.000 đồng.

Hiện nay bà B đã trả đủ tiền cho bên cho vay nhưng bà V vẫn không trả lại số tiền này cho bà B dù bà B đã yêu cầu nhiều lần. Nay bà B khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Thu V và ông Huỳnh Văn H phải liên đới trả lại cho bà B 33.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

*Tại bản tường trình ngày 03/9/2020, biên bản hòa giải, bị đơn bà Trần Thị Thu V trình bày:*

Bà thừa nhận chữ ký “Vân” và chữ viết “Trần Thị Thu V” trong Giấy mượn tiền dùm là của bà và bà có nợ bà B 33.000.000 đồng. Cụ thể bà mượn hai lần tiền là ngày 11/6/2019 mượn 20 triệu đồng và ngày 23/7/2020 mượn thêm 13 triệu đồng, khi vay lần đầu không lập thành văn bản nhưng lần sau bà có ký xác nhận mượn hai lần như trên.

Khi vay có thỏa thuận miệng là lãi suất 10%/ngày, bà đã trả được một số tiền lãi nhưng không có giấy tờ chứng cứ chứng minh nên bà không yêu cầu giải quyết về số tiền lãi đã đóng. Lý do mượn tiền là do bà chơi hụi của gia đình bà B và đã hót hụi để sử dụng trong gia đình nhưng không có tiền đóng lại hụi chết nên phải mượn tiền của bà B để đóng lại hụi chết. Việc vay mượn tiền thì bà chỉ nhận tiền từ bà B thì bà có trách nhiệm trả cho bà B, còn việc bà B mượn tiền của ai thì bà không biết.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà B thì bà đồng ý trả cho bà B 33.000.000 triệu đồng, không trả lãi. Tuy nhiên, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đề nghị được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ và nợ này là do một mình bà vay nên bà sẽ có trách nhiệm trả một mình, chồng bà là ông Huỳnh Văn H không biết nên bà không yêu cầu ông H phải có trách nhiệm liên đới trả.

*Tại đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 04/9/2020, ông Huỳnh Văn H yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án vì khoản vay của bà Lê Thị N là của vợ ông, ông không liên quan. Ông không đồng ý liên đới cùng bà V trả nợ cho bà B.*

*Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên lời trình bày, các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.*

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bà V và ông H đang cư trú tại ấp 7, xã Nhựt Ch, huyện B, tỉnh L. Căn cứ Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Về nội dung:

[3.1] Căn cứ theo giấy mượn tiền dùm do bà V ký xác nhận và giấy mượn tiền bà Phạm Thị Bạc xác nhận cũng như lời trình bày của các đương sự thì các bên đều thống nhất bà B mượn dùm cho bà V 33.000.000 đồng, bà B đã trả tiền cho người cho vay xong nhưng đến nay bà V chưa trả lại tiền cho bà B, bà V thừa nhận còn nợ bà B 33.000.000 đồng. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B, buộc bà V phải trả cho bà B 33.000.000 đồng.

[3.2] Về tiền lãi: nguyên đơn cho rằng khi vay không thỏa thuận lãi suất và thời gian trả, bà V cho rằng có thỏa thuận lãi suất nhưng do bà không có khả năng trả tiếp tiền lãi nên bà B mới khởi kiện. Xét thấy, tại phiên tòa bị đơn cho rằng đã đóng được một số tiền lãi nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh và không yêu cầu Tòa án xem xét số tiền lãi đã đóng nên Tòa án không xem xét về lãi suất. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi nên bà V không phải trả lãi cho bà B.

[3.3] Về thời hạn trả: Bà V yêu cầu được trả hàng tháng 500.000 đồng nhưng không được phía nguyên đơn chấp nhận, bà B yêu cầu bà V phải trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Vấn đề thỏa thuận về thời gian trả các bên đương sự có thể thỏa thuận tại giai đoạn thi hành án, không thuộc thẩm quyền của Tòa án nên Tòa án không xem xét.

[3.4] Về trách nhiệm trả nợ: Bà B yêu cầu ông H có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng bà V nhưng ông H không đồng ý, bà V cũng yêu cầu một mình bà có trách nhiệm trả nợ cho bà B. Xét thấy tại phiên tòa bà V trình bày bà vay tiền để đóng hụi chết cho con trai bà B, hụi này bà đã hót trước đó để cho cháu bà mượn và trả nợ một số người khác chứ không sử dụng cho mục đích sinh hoạt gia đình nhưng đến nay bà vẫn chưa khởi kiện ai. Hơn nữa, tại biên bản hòa giải ngày 07/9/2020 bà V trình bày bà vay tiền để đóng hụi chết, mà tiền hót hụi có được bà sử dụng cho mục đích sinh hoạt gia đình. Trong thời gian bà tham gia chơi hụi thì chủ hụi có đến nhà bà gom hụi, ông H cũng biết. Mặc dù bà trình bày ông H nghĩ rằng bà tham gia hụi dùm cho người khác nhưng ông cũng không quan tâm, hỏi han là bà chơi hụi của ai thể hiện ông hoàn toàn tin tưởng bà. Sau khi bà bị vỡ nợ thì chồng bà cũng đi làm và đưa tiền để phụ giúp bà trả nợ. Do đó, có cơ sở xác định khoản vay giữa bà B với bà V được xác lập trong thời kỳ hôn nhân và nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên ông H phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà V trả nợ cho bà B.

[4] Về án phí: Bà V và ông H phải chịu án phí nhưng thuộc trường hợp người

cao tuổi, có đơn yêu cầu miễn án phí và được Tòa án chấp nhận nên được miễn án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 207, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 464, Điều 466, Điều 469, Điều 470, Điều 357, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N. Buộc bà Trần Thị Thu V và ông Huỳnh Văn H phải liên đới hoàn trả cho bà Lê Thị N 33.000.000 đồng (Ba mươi ba triệu đồng) phát sinh từ hợp đồng vay tài sản.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà V và ông H phải chịu án phí nhưng thuộc trường hợp người cao tuổi, có đơn yêu cầu miễn án phí và được Tòa án chấp nhận nên được miễn án phí.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hợp lệ theo quy định bộ luật tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện B;
- Cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Hồ Thị Miên**

**Thành viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Dương Thị Sáu - Vũ Hồng Điều**

**Hồ Thị Miên**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện B;
- Cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Hồ Thị Miên**